

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**CHỈ THỊ số 41-HĐBT ngày 4-5-1983**  
**về phương hướng phát triển**  
**kinh tế - xã hội của các tỉnh**  
**thuộc vùng duyên hải miền**  
**Trung.**

Vừa qua, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng đã tổ chức hội nghị các tỉnh thuộc vùng duyên hải miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Thuận Hải) để trao đổi kinh nghiệm về các mặt xác định cơ cấu kinh tế, tổ chức và quản lý sản xuất, phân công hợp tác liên kết kinh tế giữa các địa phương nhằm phát huy các tiềm năng sản xuất, các thế mạnh kinh tế, tạo nên sức bật mới, đưa nền kinh tế của các tỉnh phát triển đồng đều và mạnh mẽ hơn.

Các tỉnh duyên hải miền Trung chiếm 29,3% về diện tích, 25,2% về dân số so với cả nước, có vị trí rất quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng. Tiềm lực kinh tế rất to lớn và phong phú. Nhân dân và Đảng bộ có truyền thống đấu tranh kiên cường, lao động cần cù và sáng tạo. Song, hậu quả của chiến tranh nặng nề, thiên tai liên tiếp, cơ sở vật chất kỹ thuật quá yếu.

Những năm qua, nhất là mấy năm gần đây, dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và V của Đảng, các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng, các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thuận Hải đã có nhiều chuyển biến mới trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

Nhiều địa phương đã có tốc độ phát triển sản xuất khá, nhất là sản xuất lương thực và thực phẩm, chăn nuôi; sản xuất công nghiệp địa phương có những tiến bộ đáng kể. Đời sống nhân dân, nhất là nông dân, được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và văn hóa. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa

trong nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành, các hợp tác xã được củng cố tương đối vững chắc, phát huy tác dụng tích cực đến các mặt phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Từ chỗ phải dựa vào sự chi viện của Nhà nước mỗi năm trên 10 vạn tấn lương thực quy gạo, từ năm 1981 đến nay, các tỉnh chẳng những đã tự túc được lương thực mà còn cung cấp cho trung ương gần 7 vạn tấn.

Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã thu được những thành tựu nổi bật nhất về trình độ thâm canh nông nghiệp, đạt năng suất cây trồng cao trên quy mô diện tích tương đối lớn. Tốc độ phát triển sản xuất lương thực tăng bình quân hàng năm 16,4%, có hai huyện đạt năng suất trên 10 tấn/ha/năm liền trong mấy năm gần đây, năm 1982 có hợp tác xã đạt 19-20 tấn/ha/năm trên quy mô diện tích toàn hợp tác xã. Nông nghiệp phát triển đã tạo cơ sở đầy mạnh sản xuất công nghiệp và tăng nhanh xuất khẩu. Đây là bài học lớn cho các tỉnh trong vùng và cho cả nước. Đạt được kết quả trên đây là do Quảng Nam - Đà Nẵng đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, phát huy được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nắm vững đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, xác định được phương hướng phát triển kinh tế đúng đắn, làm tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tích cực xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, làm tốt công tác quản lý kinh tế, xã hội và mạnh dạn ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới.

Tuy vậy, sự chuyển biến về kinh tế - xã hội chưa đều giữa các ngành, các địa phương, tiềm năng to lớn chưa được phát huy mạnh mẽ. Nhìn chung, các tỉnh duyên hải miền Trung vẫn còn là vùng kinh tế có nhiều khó khăn. Nguyên nhân chính là do nhiều nơi chưa quán triệt đầy đủ các chủ trương chính sách kinh tế của Nhà nước, chưa nắm vững thế mạnh kinh tế của địa phương mình, chưa biết tổ chức sự hợp tác và liên



kết trong từng địa phương cũng như giữa địa phương và ngành để tạo ra sức mạnh tổng hợp.

Về phía Trung ương, Thường vụ Hội đồng bộ trưởng, các Bộ, các ngành chưa thấy hết đặc điểm tự nhiên và kinh tế của vùng này để có sự đầu tư đúng mức và các chủ trương, chính sách phù hợp.

Căn cứ vào đường lối, mục tiêu chung về kinh tế - xã hội do Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ V đã đề ra, những tiềm năng phát triển phong phú về các mặt tài nguyên, lao động và những kinh nghiệm quý tích lũy được trong thời gian vừa qua, các tỉnh duyên hải miền Trung phải phấn đấu đưa nền kinh tế phát triển toàn diện với tốc độ nhanh và vững chắc, nhằm cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, góp phần phát triển kinh tế chung cả nước, củng cố quốc phòng và an ninh, làm tốt nhiệm vụ quốc tế với Lào và Campuchia.

## 1. Nông nghiệp:

a) *Đẩy mạnh sản xuất lương thực và thực phẩm*, nhằm mục tiêu giải quyết vững chắc vấn đề ăn, có dự trữ đề phòng thiên tai và tăng mức đóng góp cho Nhà nước, tạo cơ sở vật chất khai thác các tiềm năng kinh tế phong phú ở vùng đồi núi và Tây Nguyên.

Phương hướng cơ bản phát triển sản xuất lương thực (lúa và màu) là đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng và tăng vụ. Tập trung khả năng vốn và vật tư kỹ thuật xây dựng các vùng, các cánh đồng cao sản, đạt năng suất cao. Cần tổng kết các điển hình sản xuất tiên tiến, phổ biến kinh nghiệm để nâng dần độ đồng đều trong từng vùng.

Mục tiêu phấn đấu năm 1985, bảy tỉnh duyên hải miền Trung phải đạt khoảng từ 4,1 triệu tấn đến 4,2 triệu tấn (1983 từ 3,5 triệu đến 3,7 triệu tấn), đưa mức lương thực bình quân đầu người lên từ 310 đến 320 ki lô gam/năm.

Đề đạt mục tiêu trên, các tỉnh phải có chương trình phấn đấu đồng bộ về các mặt kỹ thuật và kinh tế.

Về thủy lợi phát động phong trào quần chúng xây dựng đồng ruộng, hoàn chỉnh hệ thống thủy nông nhằm khai thác đến mức cao nhất những công trình đã có như Bái Thượng, Đò Lương, Kê Gỗ, Nam Thạch Hãn, Phú Ninh, Đồng Cam. Sớm đưa vào sử dụng các công trình đang thi công như Núi Một, sông Vệ, Đá Bàn, Liệt Sơn. Đi đôi với việc tiếp tục khảo sát, thiết kế một số công trình lớn như Thạch Nham, Sông Páo, Sông Rác, hết sức coi trọng xây dựng các hồ đập vừa và nhỏ, kết hợp ba mặt thủy lợi, thủy điện, thủy sản theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Những vùng còn có nhiều khó khăn về thủy lợi cần chú ý nghiên cứu thay đổi cơ cấu cây trồng và mùa vụ.

Công tác thủy lợi phải kết hợp với việc trồng rừng, bảo vệ rừng, phủ xanh đồi trọc, giữ ẩm và tạo nguồn nước.

Về giống sắp xếp cơ cấu giống theo mùa vụ thích hợp cho từng vùng nhỏ. Phổ biến nhanh các loại giống có năng suất cao, xác định mật độ gieo cấy thích hợp. Củng cố các cơ sở sản xuất giống gốc, các đội, tổ sản xuất giống ở hợp tác xã. Có chính sách khuyến khích mạnh lao động sản xuất giống, công lao động sản xuất giống tốt có thể cao gấp rưỡi công trồng trọt trong hợp tác xã.

Về phân bón: Đặc biệt coi trọng việc tăng nguồn phân bón là yếu tố quyết định nhất đến năng suất trồng trọt. Trước hết, phải đẩy mạnh sản xuất phân bón hữu cơ, nhất là phân chuồng, phân bắc, phân xanh, tận dụng mọi nguồn phân khoáng như xác mắm, vôi... để bồi dưỡng, cải tạo đất, tạo cơ sở thâm canh vững chắc. Điều chỉnh lại chính sách mua phân ở hợp tác xã nhằm khuyến khích mạnh việc sản xuất phân như nâng giá mua phân (kinh nghiệm ở nhiều điển hình thâm canh giỏi, giá mua phân hợp lý là từ 40 đến 50 kg



thóc/tấn phân chuồng tốt) và trả giá mua phân bằng thóc, không trả bằng công lao động. Đồng thời, các địa phương cần có kế hoạch xuất khẩu cụ thể, nhập thêm phân vô cơ bổ sung cho nguồn cung ứng còn hạn chế của trung ương.

Đẩy mạnh việc ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy cao độ khả năng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp cũng như trong các viện nghiên cứu, các trường đại học nông nghiệp, thủy sản..., các trạm, trại thí nghiệm, trên cơ sở hợp đồng kinh tế, có sự khuyến khích thích đáng bằng lợi ích vật chất.

#### b) Sản xuất cây công nghiệp.

Trên cơ sở sản xuất lương thực phát triển vững chắc, cần phát huy các thế mạnh về phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày thích hợp với các vùng. Xây dựng các vùng chuyên canh từng loại cây và có phương án kinh tế kỹ thuật cụ thể để lợi dụng ưu thế của tự nhiên và phát huy hiệu quả kinh tế cao. Cần chú trọng phát triển nhanh các loại cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, thầu dầu, mía, thuốc lá, dâu tằm, bông, cói và rau quả như ớt, tỏi, dưa, chuối... Đồng thời, từng bước mở rộng diện tích dừa, đào lộn hột, cọ dầu, chè, cà-phê, cao-su, quế...

#### c) Chăn nuôi.

Chăn nuôi cũng là một thế mạnh kinh tế. Cần phát triển mạnh đàn lợn về số lượng và trọng lượng, trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất màu. Phát triển mạnh đàn trâu bò, kể cả trâu bò thịt, cày kéo và trâu bò sữa. Chú ý phát triển đàn gia cầm, nhất là vịt thời vụ.

Cần có chính sách khuyến khích mạnh phát triển chăn nuôi như chính sách mua phân với giá cao, xây dựng chế độ bảo hiểm chăn nuôi (bảo hiểm về thú y), phổ

biến nhanh các giống lai tạo và chọn lọc, thay thế các giống địa phương có trọng lượng thấp, tốc độ tăng trọng kém.

## 2. Nghề rừng:

Cần đặc biệt coi trọng công tác lâm nghiệp, coi việc trồng rừng cũng có ý nghĩa kinh tế quan trọng như trồng cây công nghiệp. Đẩy mạnh công tác trồng rừng, bảo vệ rừng, nhằm phủ xanh hết đất trống, đồi trọc, trồng rừng phòng hộ, chống cát bay ở vùng ven biển. Phổ biến kinh nghiệm trồng cây nguyên liệu để phát triển các ngành nghề tiểu, thủ công, mỹ nghệ như trúc, sậy...

Biện pháp quan trọng nhất là triệt để thực hiện chính sách giao đất giao rừng cho các hợp tác xã và nhân dân trồng và chăm sóc, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc ở miền núi; có chính sách khuyến khích mạnh mẽ để tạo cơ sở định canh định cư, chấm dứt nạn phá rừng. Mặt khác, thực hiện nghiêm ngặt Pháp lệnh bảo vệ rừng.

## 3. Nghề cá và muối:

Tổ chức lại việc đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Phát huy thế mạnh về đánh cá biển, tăng thêm năng lực phương tiện, tổ chức đóng thuyền bằng gỗ hay xi măng, lưới thép để tự trang bị được nhanh chóng. Từng bước trang bị các tàu thuyền lớn để đánh cá ngoài khơi và vươn tới các ngư trường xa, có mật độ cá cao theo những mùa vụ thích hợp. Đồng thời, coi trọng đúng mức việc nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ và nước ngọt, nhất là việc nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao để xuất khẩu như tôm, rau câu, v.v... Chú ý tận dụng tốt khả năng các hồ đập, các đầm phá của Bình Trị Thiên, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Thuận Hải v.v... vì tiềm năng sản xuất lớn, hiệu quả kinh tế cao và không phụ thuộc vào vật tư, nhiên liệu nhập khẩu. Tổ chức tốt việc liên kết



kinh tế với các địa phương có ngư trường tốt và giữa sản xuất với chế biến.

*Đẩy mạnh sản xuất muối.* Tăng nhanh sản xuất muối để phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất, đồng thời mở rộng thêm diện tích ở những nơi có điều kiện thuận lợi như Thuận Hải, Phú Khánh, Quảng Nam — Đà Nẵng, Nghĩa Bình...

#### 4. Công nghiệp:

a) *Công nghiệp điện:* Điện đang là một khâu có ý nghĩa then chốt và bức thiết đối với sản xuất công nghiệp và toàn bộ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa ở các tỉnh thuộc vùng duyên hải miền Trung. Phải cố gắng bằng mọi cách để tăng thêm nguồn điện. Trước hết, sử dụng tốt hơn các cơ sở nhiệt điện hiện có, các địa phương huy động một phần quỹ ngoại tệ để nhập khẩu thêm dầu cùng với trung ương bổ sung thêm nhiên liệu. Bộ Điện lực xem xét lại khả năng về thiết bị đi-ên-đèn điều cho miền Trung sau khi nhà máy nhiệt điện Phả Lại bắt đầu phát điện. Phương hướng cơ bản là phải hết sức coi trọng thủy điện vì có tiềm năng lớn, trước mắt, đặc biệt coi trọng phát triển thủy điện loại vừa và nhỏ kết hợp với thủy lợi. Bộ Điện lực cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sớm trình Thường vụ Hội đồng bộ trưởng về chủ trương xây dựng nhà máy nhiệt điện Tiệp Khắc để giải quyết điện cho khu vực miền Trung.

b) *Công nghiệp cơ khí:* Sắp xếp lại lực lượng cơ khí trong từng địa phương, tổ chức sự hợp tác và phân công hợp lý giữa các lực lượng công nghiệp cơ khí của trung ương, của quốc phòng và của địa phương để sử dụng hết công suất hiện có nhằm phục vụ yêu cầu về sửa chữa cơ khí, chế tạo cơ khí chuyên dùng nhỏ như làm giấy, làm đường, uơm tơ... sản xuất công cụ thường, công cụ cải tiến. Bổ sung thêm máy móc thiết bị cho

ngành cơ khí của Quảng Nam — Đà Nẵng lớn mạnh, đủ sức làm trung tâm công nghiệp cho cả vùng duyên hải miền Trung và đáp ứng một phần yêu cầu của các tỉnh Tây Nguyên.

c) *Công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng:* Để phục vụ đắc lực cho sự phát triển của các ngành sản xuất cây công nghiệp, cây xuất khẩu, thủy sản, lâm nghiệp... cần hết sức chú trọng phát triển công nghiệp chế biến. Tỏ chức tốt sự liên kết giữa công nghiệp chế biến với sản xuất nguyên liệu từ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản để tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế. Xem xét lại việc phân giao cơ sở sản xuất và sự phân cấp quản lý cho thích hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng từ nguyên liệu nông, lâm nghiệp, hải sản của địa phương như đồ gỗ, đường mật, chiếu cói, mây tre, nước mắm... nhằm tự túc được phần lớn hàng tiêu dùng trong địa phương và tạo ra khối lượng sản phẩm ngày càng lớn phục vụ cho xuất khẩu và trao đổi với các địa phương khác trong nước. Chú ý phát triển mạnh tiểu, thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp cũng như ở các thị xã, thị trấn để tận dụng khả năng sản xuất sẵn có.

#### 5. Giao thông vận tải:

Triển khai thực hiện tốt các quyết định của Hội đồng bộ trưởng về chấn chỉnh ngành giao thông vận tải. Tập trung nhiệm vụ vận tải và phương tiện vận tải cho Sở giao thông vận tải các địa phương. Củng cố và tăng cường quản lý các hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt. Chú ý phát huy thuận lợi về giao thông vận tải đường biển. Có kế hoạch phát triển mạnh giao thông nông thôn trên địa bàn huyện, đặc biệt đối với vùng trung du miền núi. Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý các công trình giao thông giữa trung ương, địa phương và phân công hợp tác vận tải



theo phương thức liên vận và đại lý vận tải. Hết sức coi trọng việc duy tu nâng cấp công trình giao thông hiện có theo các điều kiện nguyên vật liệu của địa phương. Hoàn thiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với ngành vận tải ở các địa phương. Sử dụng tốt lực lượng vận tải cơ giới hiện có, đẩy mạnh phát triển phương tiện vận tải bán cơ giới và thô sơ (phát triển thuyền gỗ, thuyền xi măng lưới thép...).

**6. Phân phối lưu thông:** Nhà nước đã ban hành chính sách cụ thể về quản lý thị trường, một số địa phương đã vận dụng tích cực và sáng tạo, thu được kết quả tốt, cần tổng kết những kinh nghiệm ấy để phổ biến ra mọi nơi. Trong phân phối, lưu thông, phân phối đang là khâu yếu. Cần củng cố và phát triển lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bao gồm cả mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Quản lý chặt chẽ kinh doanh của tư thương, tiến hành cải tạo theo chủ trương chính sách của Nhà nước.

Đặc biệt coi trọng việc nắm hàng. Đối với nông dân, ngoài thuế nông nghiệp, hình thức quản lý sản phẩm chủ yếu là hợp đồng kinh tế. Đối với các xí nghiệp công nghiệp và nông trường quốc doanh, cần thực hiện nghiêm ngặt chế độ giao nộp sản phẩm.

Thực hiện tốt các chính sách thuế nông nghiệp, công thương nghiệp để tăng thu cho ngân sách. Đồng thời kiên quyết giảm chi, khắc phục tình trạng bội chi ngân sách.

Đẩy mạnh cuộc vận động giữ tiền tiết kiệm. Thực hiện nghiêm túc chế độ quản lý tiền mặt ở các cơ quan, xí nghiệp, khắc phục tình trạng bội chi tiền mặt.

Đấu tranh để ổn định giá cả, giữ vững kỷ luật về giá, các địa phương cần bảo đảm tốt nhiệm vụ quản lý giá.

Trên cơ sở nắm hàng và quản lý thị trường chặt chẽ, thực hiện tốt chế độ cung

cấp các nhu yếu phẩm để ổn định đời sống cán bộ, công nhân, viên chức.

**7. Xuất khẩu:** Ra sức đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm xuất khẩu để tạo khả năng nhập khẩu bổ sung vật tư kỹ thuật, nguyên liệu, nhiên liệu... tự cân đối cho yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp cũng như công nghiệp. Từng tỉnh, từng huyện phải có kế hoạch xuất khẩu địa phương.

Tập trung khả năng sản xuất để tạo ra những mặt hàng chủ lực, có giá trị cao như lạc, ớt, đào lộn hột, thầu dầu, thuốc lá, cà-phê, cao-su, quế, tôm, rau câu, v.v... Chú ý bảo đảm chất lượng hàng hóa.

Cố gắng tổ chức chế biến tốt để từng bước hạn chế việc xuất khẩu nguyên liệu thô và chất lượng thấp.

Kiên toàn các tổ chức chuyên trách. Từng huyện có thể lập tổ chức quản lý việc kinh doanh xuất nhập khẩu của huyện mình. Chấp hành nghiêm túc chế độ quản lý ngoại thương của Nhà nước.

**8. Lao động:** Trong từng hợp tác xã, từng nông trường cần mở rộng sự phân công lao động xã hội để tận dụng mọi khả năng phát triển sản xuất, phân bố lao động hợp lý giữa các ngành nghề nông nghiệp, rừng, cá, muối, công nghiệp và thủ công nghiệp; trong nông nghiệp, phân bố hợp lý giữa trồng trọt và chăn nuôi. Đồng thời, phải rất coi trọng việc phân bố lại theo vùng lãnh thổ để phát huy các thế mạnh kinh tế ở vùng đồi núi, đầm phá và biển. Hình thức thực hiện có hiệu quả nhất hiện nay là các cơ sở sản xuất phân bố lao động theo phương thức một chônđôi quê, lập các cơ sở sản xuất mới... một mặt, phân bố lao động tại chỗ trong phạm vi từng tỉnh, mặt khác, mỗi tỉnh cần có kế hoạch tích cực phân bố lao động lên các tỉnh Tây Nguyên xây dựng những vùng kinh tế mới.



Cùng với việc phân bố lại lao động, cần tích cực thực hiện chủ trương sinh đẻ có kế hoạch, hạ thấp tỷ lệ tăng dân số tự nhiên.

**9. Quan hệ sản xuất:** Chú trọng củng cố và nâng cao chất lượng của *kinh tế quốc doanh* như xí nghiệp công nghiệp, nông trường, lâm trường quốc doanh để phát huy vai trò chủ đạo về kinh tế cũng như kỹ thuật. Cần đi sâu cải tiến tổ chức sản xuất, cải tiến công tác quản lý. Củng cố các *cơ sở sản xuất tập thể* như hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng. Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ, tăng cường cán bộ, nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật cho hợp tác xã để phát huy mạnh hơn nữa tính ưu việt của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Khuyến khích giúp đỡ và hướng dẫn phát triển *kinh tế gia đình*, coi đó là một bộ phận của kinh tế xã hội chủ nghĩa, có tác dụng bổ sung to lớn cho kinh tế quốc doanh và tập thể.

Tổ chức sự liên kết hợp tác và phân công giữa các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể, gia đình để phát triển sản xuất và thu hiệu quả kinh tế cao.

Hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp và công nghiệp nhằm khuyến khích lao động trong mọi khâu sản xuất, công tác. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, cần chú ý khuyến khích lao động trong các khâu sản xuất tập thể, lao động quản lý. Khuyến khích phát huy quyền chủ động trong sản xuất, kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về tài chính của xí nghiệp.

Cùng với việc củng cố quan hệ sản xuất và cải tiến công tác quản lý, cần thực hiện mạnh mẽ biện pháp tổ chức sản xuất mới liên kết kinh tế. Trước hết tiến hành sự liên kết giữa các địa phương trong tỉnh với nhau như giữa đồng bằng với miền núi hay ven biển, giữa cơ sở công nghiệp chế biến với các vùng sản xuất nguyên liệu.

Đồng thời, có kế hoạch thực hiện từng bước sự liên kết giữa từng địa phương thuộc vùng duyên hải miền Trung với Tây Nguyên. Liên kết kinh tế là hình thức hiệp tác và phân công thích hợp với điều kiện thực tế hiện nay, nhưng cần được thực hiện một cách có kế hoạch và trong khuôn khổ những chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước. Chú ý thực hiện tốt sự hợp tác với các tỉnh của Lào và Cam-pu-chia, bảo đảm nghĩa vụ quốc tế.

**10. Công tác xây dựng và tăng cường cấp huyện:** Đẩy mạnh việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo 9 nội dung mà hội nghị lần thứ 3 Trung ương đã đề ra. Căn cứ vào đặc điểm từng vùng, soát lại quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng ngành của huyện, giúp huyện hiểu biết đầy đủ khả năng, thế mạnh của mình mà tự xác định cơ cấu, phương hướng sản xuất đúng đắn.

Nhanh chóng thực hiện chủ trương *phân cấp quản lý* cho huyện, giúp huyện xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, tạo điều kiện cho huyện phát huy quyền chủ động sáng tạo, tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, xây dựng cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp hoặc nông — lâm — công nghiệp, hoặc nông — ngư — công nghiệp. Cùng với việc xây dựng huyện, phải coi trọng việc củng cố cơ sở. Tăng cường cán bộ cho huyện và cơ sở để tăng năng lực chỉ đạo và quản lý cho tương xứng với nhiệm vụ mới. Tổng kết các huyện tiên tiến trong từng vùng để có kinh nghiệm chỉ đạo sát hợp.

### 11. Bổ sung chính sách:

Đề thúc đẩy phát triển sản xuất, cần bổ sung một số chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế như các chính sách đầu tư, tài chính và tín dụng, chính sách đối với kinh tế gia đình, với quân đội làm kinh tế, chính sách thu mua (giá cả, tỷ lệ trao đổi công nghệ phẩm và nông sản), liên kết kinh tế, v.v.,



Từ kinh nghiệm thực tiễn trong địa phương, các tỉnh cần chủ động kiến nghị với trung ương những yêu cầu bổ sung chính sách mới.

## 12. Vấn đề cán bộ:

Trong sự nghiệp phát triển kinh tế to lớn hiện nay, *cán bộ đang là yếu tố có tính chất quyết định*. Trước hết, từng tỉnh cần rà soát lại nhằm sử dụng tốt số cán bộ hiện có, nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý, vì lực lượng cán bộ hiện có tương đối đông so với nhiều vùng khác. Đồng thời, có quy hoạch đào tạo cán bộ tại chỗ nhằm tăng thêm cán bộ có năng lực thực hành.

Cải tiến công tác tuyển sinh, lấy người ở từng ngành, từng địa phương để đào tạo phục vụ cho việc phát triển của ngành và địa phương.

Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp có trách nhiệm giúp đỡ các địa phương, từng tỉnh hoặc liên tỉnh tổ chức một số trường cao đẳng để đáp ứng yêu cầu này. Tổ chức tốt sự liên kết giữa các trường với các địa phương, làm cho các trường đại học, cao đẳng trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong vùng. Mặt khác, chú ý thực hiện tốt sự kết hợp giữa cán bộ già và trẻ, kỹ thuật và quản lý.

## 13. Tăng cường sự chỉ đạo:

Để thực hiện những nhiệm vụ đề ra trên đây cần có sự chỉ đạo sát của Thường vụ Hội đồng bộ trưởng và của các Bộ có liên quan.

Các Bộ, các ngành ở trung ương cần phân công một thứ trưởng chuyên trách các tỉnh ở vùng duyên hải miền Trung để theo dõi sát và chỉ đạo cụ thể, kịp thời, đồng thời cùng các địa phương nghiên cứu đề nghị Hội đồng bộ trưởng ban hành các chủ trương, chính sách cần thiết giải quyết kịp thời các yêu cầu của địa phương.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Văn phòng Hội đồng bộ trưởng có tổ chức chuyên trách theo dõi việc thực hiện chỉ thị này, giúp Thường vụ Hội đồng bộ trưởng chỉ đạo có hiệu quả.

Thường vụ Hội đồng bộ trưởng phân công một đồng chí Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng trực tiếp phụ trách.

Các địa phương thuộc vùng duyên hải miền Trung cần cụ thể hóa chỉ thị này thành các chương trình kế hoạch cụ thể.

Hội đồng bộ trưởng tin tưởng rằng, với truyền thống cách mạng kiên cường, với tinh thần lao động cần cù và sáng tạo, được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng và Hội đồng bộ trưởng, sự tích cực giúp đỡ của các Bộ, các ngành ở trung ương, nhất định các tỉnh duyên hải miền Trung sẽ tạo ra bước phát triển mới nhanh, mạnh, vững chắc, hoàn thành xuất sắc kế hoạch Nhà nước năm 1983 và kế hoạch 3 năm 1983 — 1985.

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 1983

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**CHỈ THỊ số 152-CT ngày 2-6-1983**  
về việc tổ chức hội chợ — triển  
lãm kinh tế — kỹ thuật Việt  
Nam năm 1983.

Thi hành quyết định số 133-HĐBT ngày 13-11-1981, trung tâm triển lãm Giảng Võ đã tổ chức hai đợt triển lãm thành tựu